TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 4 - 2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Huy Lợi và ông Ngô Xuân Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***:

Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Đặng Văn L, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Xóm 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: chị Vũ Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; hiện đang ở Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2020 và bản tự khai đề ngày 06/11/2020, nguyên đơn anh Đặng Văn L trình bày:

Anh Đặng Văn L và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An ngày 13 tháng 10 năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Cuối năm 2013 chị H đi xuất khẩu lao động tại Ả rập xê út, năm 2016 chị H về nước. Sau khi về nước được một thời gian đến tháng 05/2017 chị H tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay. Năm đầu

tiên sang Đài Loan chị H vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình, sau đó ít liên lạc dần, chị không gửi tiền về nuôi con, chỉ gọi điện hỏi thăm con một năm vài lần. Anh L đã cố gắng níu kéo tình cảm với chị H nhưng không được. Anh L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: vợ chồng anh Đặng Văn L, chị Vũ Thị H có 02 con chung là cháu Đặng Thị Thùy L, sinh ngày 08/8/2007 và cháu Đặng Thiên B, sinh ngày 10/10/2012. Hiện tại, cháu L và cháu B đang ở với anh L. Nếu ly hôn, anh L đề nghị Tòa án giao cháu L và cháu B cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Đặng Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Vũ Thị H, do vợ chồng không liên lạc gì với nhau nên anh Đặng Văn L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan. Theo anh L thì chị H vẫn thường xuyên liên lạc về với bố đẻ là ông Vũ Kim V, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Xóm 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An và ông V biết địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan; đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã gửi văn bản cho ông Vũ Kim V (là bố đẻ của chị H) thông báo về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án để ông V thông báo cho chị H và đề nghị chị H nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh L. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của chị H trước khi đi nước ngoài. Tuy nhiên, chị H không có ý kiến gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

+ Về thẩm quyền thụ lý: Vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 68, Điều 69 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 95, Điều 96 và Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và Viện kiểm sát, Tòa án đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 177 và Điều 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giao hồ sơ, quyết định đưa vụ án ra xét xử sở thẩm cho Viện kiểm sát đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định tại Điều 195 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Điều 225, Điều 239, Điều 243, Điều 247 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51, Điều 236, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn anh Đặng Văn L đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Vũ Thị H không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn L, cho anh Đặng Văn L và chị Vũ Thị H được ly hôn. Về con chung, giao 02 con chung là cháu Đặng Thị Thùy L, sinh ngày 08/8/2007 và cháu Đặng Thiên B, sinh ngày 10/10/2012 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, anh L chưa yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này các bên có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Đặng Văn L và bị đơn chị Vũ Thị H đều có địa chỉ cư trú tại Xóm 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; chị H hiện đang ở Đài Loan nhưng không có địa chỉ cụ thể. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Vũ Thị H hiện đang ở Đài Loan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã gửi văn bản cho ông Vũ Kim V (là bố đẻ của chị H) thông báo về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án để ông V thông báo cho chị H và đề nghị chị H nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của

anh L. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của chị H trước khi đi nước ngoài và yêu cầu ông V cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan nhưng ông V không cung cấp được. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, Tòa án không nhận được bất cứ văn bản nào của chị H trình bày về yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh L nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết và vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Vũ Thị H vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai và niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của chị H trước khi đi nước ngoài. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt chị H.

[2] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Đặng Văn L và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện; không thuộc trường hợp cấm kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An ngày 13 tháng 10 năm 2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2013 thì chị H đi xuất khẩu lao động tại Ả rập xê út, đến cuối năm 2016 thì chị H về nước; tháng 05/2017 chị H tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay. Trong thời gian này, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay, anh L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên có làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị H. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị H không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đặng Văn L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Vũ Thị H, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Đặng Văn L và chị Vũ Thị H được ly hôn.

[2.2] Về con chung: vợ chồng anh Đặng Văn L, chị Vũ Thị H có 02 con chung là cháu Đặng Thị Thùy L, sinh ngày 08/8/2007 và cháu Đặng Thiên B, sinh ngày 10/10/2012; hiện nay, cháu L và cháu B đang ở với anh L và anh L đề nghị Tòa án giao cháu L và cháu B cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn. Theo đơn trình bày của cháu Đặng Thị Thùy L và cháu Đặng Thiên B thì 02 cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, chị H hiện đang ở nước ngoài và chưa có ý kiến gì về việc nuôi con nên cần giao cháu L và cháu B cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con,

anh L chưa yêu cầu và chị H cũng chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Đặng Văn L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn anh Đặng Văn L phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 40, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Đặng Văn L được ly hôn với chị Vũ Thị H.

- Về con chung: giao 02 con chung là cháu Đặng Thị Thùy L, sinh ngày 08/8/2007 và cháu Đặng Thiên B sinh ngày 10/10/2012 cho anh Đặng Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu B đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Đặng Văn L chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh Đặng Văn L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

2. Về án phí sơ thẩm: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc anh Đặng Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000151 ngày 22 tháng 10 năm 2020.

3. Anh Đặng Văn L có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Thanh **Trần Huy Lợi** **Trần Thị Mỹ Hải**